

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ', TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Khánh Thành

2. Ông Phạm Xuân Khoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 249/2022/TLST - HNGĐ, ngày 12/12/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 31/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở : Xóm K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Ninh Văn H, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở : Xóm K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Tôi và anh Ninh Văn H kết hôn với nhau vào năm 2009 trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau ngày cưới tôi về nhà anh H ở ngay không mang theo tài sản gì ngoài đồ dùng cá nhân. Vợ chồng ở chung với gia đình anh H một thời gian thì ra ăn riêng, ở riêng.

Thời gian đầu vợ chồng sống hoà hợp hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn đến khoảng sau năm 2015 thì vợ chồng tôi đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Tôi phát hiện anh H nghiện ma túy thì khoảng năm 2018 và đã khuyên

nhủ nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn. Vào ngày 27/01/2023 anh H đã bị Công an huyện Đ bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hiện đang bị bắt tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Đ.

Về con chung: Tôi và anh H có 02 con chung là cháu Ninh Thu H sinh ngày 10/11/2010 và cháu Ninh Trường K sinh ngày 31/10/2012. Khi vợ chồng tôi ly hôn tôi có nguyện vọng sẽ nuôi cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con, tôi và anh H sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung: Tôi không tranh chấp và không đề nghị toà án giải quyết.

Về nợ chung và khoản cho vay: Không có và không đề nghị tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn anh Ninh Văn H trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau vào năm 2009, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới chúng tôi về chung sống nhau tại xóm K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cùng với mẹ đẻ của tôi. Khoảng hơn một năm thì chúng tôi bắt đầu ra ở riêng trên mảnh đất mà mẹ tôi cho mượn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu quan tâm và chia sẻ lẫn nhau. Chúng tôi đã sống ly thân khoảng một năm gần đây, chị N chuyển về sống cùng với bố mẹ đẻ. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn tôi có nguyện vọng được hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là cháu Ninh Thu H sinh ngày 10/11/2010 và cháu Ninh Trường K sinh ngày 31/10/2012. Nếu vợ tôi kiên quyết ly hôn tôi sẽ đề nghị toà án giải quyết theo quy định pháp luật để mỗi người nuôi một con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chúng tôi sẽ tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi sẽ tự thoả thuận và không đề nghị Toà án giải quyết.

Về nợ chung và khoản cho vay: Không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết

326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ninh Văn H.

+ Về con chung: Giao các con chung là Ninh Thu H sinh ngày 10/11/2010 và cháu Ninh Trường K sinh ngày 31/10/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét. Về quyền thăm nom con chung: Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

+ Về tài sản chung: Không xem xét do các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung và khoản cho vay: Không có và không đề nghị tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh H không có mặt do đang bị bắt tạm giam để phục vụ điều tra trong vụ án hình sự và có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Ninh Văn H có hộ khẩu thường trú tại xóm K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên việc Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Ninh Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Phía chị N xác định do anh H nghiện ma túy, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai. Phía anh H

cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thấu hiểu nhau, vợ chồng có xảy ra xô xát, đến nay chị N đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh H có nguyện vọng được hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị N là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của chị N, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ninh Văn H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cả chị N và anh H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Ninh Thu H sinh ngày 10/11/2010 và cháu Ninh Trường K sinh ngày 31/10/2012. Quá trình giải quyết chị N yêu cầu được nuôi cả hai con chung, anh H xác định khi ly hôn anh H đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng anh H là người nghiện ma túy, hiện đang bị tạm giam để điều tra về hành vi vi phạm pháp luật. Cháu Ninh Thu H là con gái (đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý) và cháu Ninh Trường K còn nhỏ nên giao cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu Ninh Thu H và Ninh Trường K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung: Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[4]. Về tài sản chung, về nợ chung, khoản cho vay: Hội đồng xét xử không xem xét. Do các đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp N sách nhà nước.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cho chị N được ly hôn anh Ninh Văn H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Ninh Thu H sinh ngày 10/11/2010 và cháu Ninh Trường K sinh ngày 31/10/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay:

+ Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét do các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung và khoản cho vay: Không có và không đề nghị tòa án giải quyết.

4. Về án phí. Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào N sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004130 ngày 12/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- T/ báo cho UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Khánh